

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 – 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 – 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	08 – 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	12 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (tên giao dịch là: Ben Thanh Services Joint Stock Company) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3127/QĐ-UB ngày 16 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007 và đã đăng ký thay đổi lần 14 ngày 07 tháng 12 năm 2015.

Công ty đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05 tháng 01 năm 2011 theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Thông báo số 1137/TB-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : BSC

Vốn điều lệ : 31.507.470.000 đồng.

2. Trữ sở hoạt động

2.1 Trữ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3914 0933

Fax : +84 (8) – 3914 0934

Mã số thuế : 0305246978

2.2 Các đơn vị trực thuộc

- Trung tâm Dịch vụ Kho Vận.

Địa chỉ: 504 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh;

- Trung tâm Dịch vụ Bến Thành.

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

- Trung tâm kinh doanh Nhà hàng và Khách sạn Đakao.

Địa chỉ: 26 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

- Nhà hàng Bến Thành.

Địa chỉ: 21-23-25-27 Tôn Thất Hiệp, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

4. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 26/11/2014
Ông Nguyễn Thị Giang	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 30/03/2012
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 17/03/2016
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 18/03/2016
Ông Vũ Đình Thi	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 05/01/2016
Ông Lê Hải Đăng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016
Ông Lê Anh Văn	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016
Ông Thái Tấn Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Hồ Nguyễn Duy Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 25/03/2016
Bà Đoàn Thị Minh Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016
Ông Đào Phúc Long Phi	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 25/03/2016
Ông Phạm Tuấn Cường	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2015
Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016

4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 02/12/2015
Ông Trương Quang Thống	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 18/10/2007
Ông Nguyễn Thị Giang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016
Ông Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 02/06/2015
Bà Võ Thúy Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 18/10/2007

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 40.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

TM. Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

81
NG
HIỆN
ẤN
ẤN
P.1



Số: 2391/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 07 năm 2016, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKH số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Đặng Minh Tuyền – Kiểm toán viên

Giấy CNDKH số: 2701-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

Y
H
I
E
C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		28.510.256.893	33.138.201.744
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	21.198.257.890	28.785.730.027
111	1. Tiền		4.198.257.890	3.284.730.027
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.000.000.000	25.501.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.971.878.082	4.009.496.182
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	2.807.450.368	2.748.690.661
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	46.000.000	44.733.219
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5.4a	3.118.427.714	1.216.072.302
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	5.5	272.006.503	287.159.173
141	1. Hàng tồn kho		272.006.503	287.159.173
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.068.114.418	55.816.362
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.6	1.068.114.418	55.816.362
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		20.304.534.261	20.769.788.975
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		310.000.000	190.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	5.4b	1.366.593.429	1.246.593.429
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1.056.593.429)	(1.056.593.429)
220	II. Tài sản cố định		1.758.023.397	1.863.815.346
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.7	1.758.023.397	1.863.815.346
222	- Nguyên giá		6.417.199.543	6.373.926.816
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.659.176.146)	(4.510.111.470)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.8	-	-
228	- Nguyên giá		97.200.000	97.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.200.000)	(97.200.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	5.9	1.981.074.956	2.031.926.840
231	- Nguyên giá		3.799.189.568	3.799.189.568
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.818.114.612)	(1.767.262.728)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.531.441.633	14.531.441.633
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.10	14.531.441.633	14.531.441.633
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.11	1.295.171.516	1.356.276.772
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		575.138.055	575.138.055
253	2. Đầu tư dài hạn khác		928.651.449	928.651.449
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(208.617.988)	(147.512.732)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		428.822.759	796.328.384
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	70.000.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.12	428.822.759	726.328.384
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		48.814.791.154	53.907.990.719

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		13.806.954.902	14.075.253.168
310	I. Nợ ngắn hạn		5.947.589.360	5.397.505.961
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.13	571.339.302	397.007.752
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		346.500	16.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.14	286.235.705	578.981.212
314	4. Phải trả người lao động	5.15	699.036.000	2.118.122.572
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	5.16a	2.180.653.676	1.138.142.677
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	5.17a	1.653.772.650	706.525.443
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	5.18	345.600.000	345.600.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.19	210.605.527	113.109.805
330	II. Nợ dài hạn		7.859.365.542	8.677.747.207
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	5.16b	-	2.192.464.917
337	2. Phải trả dài hạn khác	5.17b	7.859.365.542	6.485.282.290
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.007.836.252	39.832.737.551
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.20	35.007.836.252	39.832.737.551
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	5.20b	31.507.470.000	31.507.470.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	5.20e	2.397.782.838	2.203.439.962
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.102.583.414	6.121.827.589
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		397.502.441	4.178.398.841
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		705.080.973	1.943.428.748
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		48.814.791.154	53.907.990.719

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THỊ THANH VÂN



VÕ THÚY HẠNH



 NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	13.707.226.497	13.680.974.790
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.707.226.497	13.680.974.790
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	6.394.606.808	6.229.485.292
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.312.619.689	7.451.489.498
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	478.055.438	3.010.811.472
22	7. Chi phí tài chính	6.4	1.349.328.567	1.333.628.125
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	6.5	1.158.517.915	1.782.410.326
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	4.330.245.812	5.683.677.775
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		952.582.833	1.662.584.744
31	11. Thu nhập khác	6.7	50.004.093	131.821.699
32	12. Chi phí khác		328	661
40	13. Lợi nhuận khác		50.003.765	131.821.038
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.002.586.598	1.794.405.782
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.14	-	496.821.474
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.9	297.505.625	(92.812.202)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		705.080.973	1.390.396.510
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	6.10	119	213

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THỊ THANH VÂN



VÕ THÚY HẠNH



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.002.586.598	1.794.405.782
	2. Điều chỉnh các khoản		(217.033.622)	701.296.543
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		199.916.560	196.226.547
03	- Các khoản dự phòng		61.105.256	153.628.125
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(478.055.438)	351.441.871
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		785.552.976	2.495.702.325
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.784.876.275)	(119.473.653)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		15.152.670	11.033.777
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(10.543.501.095)	(1.113.008.547)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(942.298.056)	243.539.732
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(182.459.516)	(2.102.828.062)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(233.754.000)	(573.117.975)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.886.183.296)	(1.158.152.403)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(43.272.727)	(382.962.727)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	131.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.445.138.875
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		478.055.438	(483.260.053)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		434.782.711	2.710.734.277
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		4.863.928.448	(1.256.513.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.863.928.448	(1.256.513.200)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(7.587.472.137)	296.068.674
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.785.730.027	23.203.000.245
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	21.198.257.890	23.499.068.919

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÕ THÚY HẠNH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	38,34%	38,34%	38,34%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

1.7 Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 65 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 70 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

4.17 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	834.152.368	142.664.866
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	3.364.105.522	3.142.065.161
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	25.501.000.000
Tổng cộng		21.198.257.890	28.785.730.027

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số dư ngân hàng gồm:

STT	Ngân hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM	2.823.115.951	1.648.553.283
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP HCM	540.041.939	1.493.511.878
3	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	947.632	-
Cộng		3.364.105.522	3.142.065.161

5.1.3 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

STT	Ngân hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM	14.000.000.000	22.500.000.000
2	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	3.000.000.000	3.001.000.000
Cộng		17.000.000.000	25.501.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng khác		
- Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Vạn Thịnh Phát ^(*)	1.720.000.000	1.720.000.000
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	211.619.100	287.755.600
- CN Công ty TNHH Vận tải và DVDL Hoa Mai	176.000.000	154.000.000
- Các đối tượng khác	699.831.268	586.935.061
Cộng	2.807.450.368	2.748.690.661

^(*) Là khoản phải thu của Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Vạn Thịnh Phát theo Hợp đồng mua bán chuyển nhượng công trình xây dựng số 013960/HĐGD ngày 30/12/2014 tại mặt bằng số 111 Nguyễn Huệ, quận 1. Sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật và bên mua nhận được Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bên mua đối với công trình và khu đất. Trong tháng 7/2016 đã hoàn thành thủ tục pháp lý.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác		
- Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt	44.000.000	41.250.000
- Các đối tượng khác	2.000.000	3.483.219
Cộng	46.000.000	44.733.219

5.4 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5.4a Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
- Đặng Nguyễn Nhật Minh ^(*)	2.369.368.000	-	340.200.000	-
- Nguyễn Phạm Thanh Trúc	394.774.688	-	-	-
- Trần Anh Phú	196.582.900	-	559.767.900	-
- Công ty CP Nhà Hàng Gỏi và Cuốn	136.990.700	-	-	-
- Các đối tượng khác	20.711.426	-	316.104.402	-
Cộng	3.118.427.714	-	1.216.072.302	-

^(*) Là khoản chi tạm ứng để thực hiện các thủ tục pháp lý cho các dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp, quận 1 và dự án 136-137 Bến Chương Dương, quận 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.4b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	190.000.000		190.000.000	
- Tổng Công ty Bến Thành-TNHH MTV (Ký cược, ký quỹ)	190.000.000	-	190.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.176.593.429	(1.056.593.429)	1.056.593.429	(1.056.593.429)
- Dự án TT TM và Căn hộ cao cấp 504 Nguyễn Tất Thành	732.566.805	(732.566.805)	732.566.805	(732.566.805)
- Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp	257.607.750	(257.607.750)	257.607.750	(257.607.750)
- Lê Văn Sang	120.000.000	-	-	-
- Nguyễn Hoàng Diệu	66.418.874	(66.418.874)	66.418.874	(66.418.874)
Cộng	1.366.593.429	(1.056.593.429)	1.246.593.429	(1.056.593.429)

5.5 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	272.006.503	-	287.159.173	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	272.006.503		287.159.173	

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**Tình hình biến động:**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	55.816.362	259.078.947
- Tăng trong kỳ	1.300.759.104	114.304.546
- Phân bổ trong kỳ	(288.461.048)	(359.733.493)
Số cuối kỳ	1.068.114.418	13.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Chi tiết cuối kỳ:

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa văn phòng	519.350.255	-
- Chi phí sửa chữa kho vận	271.918.636	-
- Chi phí sửa chữa 50 camette	248.625.833	-
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	28.219.694	55.816.362
Cộng	1.068.114.418	55.816.362

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	1.325.446.000	55.160.000	4.381.742.343	611.578.473	6.373.926.816
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	43.272.727	43.272.727
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.325.446.000	55.160.000	4.381.742.343	654.851.200	6.417.199.543
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	1.266.340.687	55.160.000	2.670.087.181	518.523.602	4.510.111.470
2. Tăng trong kỳ	7.388.172	-	120.084.354	21.592.150	149.064.676
- Khấu hao trong kỳ	7.388.172	-	120.084.354	21.592.150	149.064.676
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.273.728.859	55.160.000	2.790.171.535	540.115.752	4.659.176.146
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	59.105.313	-	1.711.655.162	93.054.871	1.863.815.346
2. Tại ngày cuối kỳ	51.717.141	-	1.591.570.808	114.735.448	1.758.023.397

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.358.936.486 đồng.

5.8 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	97.200.000	97.200.000
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	97.200.000	97.200.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.200.000 đồng.

5.9 Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	3.799.189.568	3.799.189.568
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	3.799.189.568	3.799.189.568
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	1.767.262.728	1.767.262.728
2. Tăng trong kỳ	50.851.884	50.851.884
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.818.114.612	1.818.114.612
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	2.031.926.840	2.031.926.840
2. Tại ngày cuối kỳ	1.981.074.956	1.981.074.956

Trong đó: nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 759.789.626 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	14.531.441.633	-	-	-	14.531.441.633
Công trình cao ốc 136-137 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh ^(*)	14.531.441.633	-	-	-	14.531.441.633
Cộng	14.531.441.633	-	-	-	14.531.441.633

^(*) Công trình này đã phát sinh từ lâu tính đến thời điểm này Công ty đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho Bà Đặng Thị Kim Oanh, chi tiết như sau:

- Thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất 137 Bến Chương Dương, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp.HCM với giá chuyển nhượng là 9.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá chuyển nhượng là 14.500.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm này, Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý.

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	575.138.055	-	575.138.055	2.675.138.055	-	2.675.138.055
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành ⁽¹⁾	575.138.055	-	575.138.055	575.138.055	-	575.138.055
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	928.651.449	(208.617.988)	720.033.461	2.527.651.449	(147.512.732)	781.138.717
Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải ⁽²⁾	928.651.449	(208.617.988)	720.033.461	928.651.449	(147.512.732)	781.138.717
Cộng	1.503.789.504	(208.617.988)	1.295.171.516	5.202.789.504	(147.512.732)	1.356.276.772

⁽¹⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 50,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 38,34% (tương đương 575.138.055 đồng). Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải, tỷ lệ góp vốn là 6% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp là 6,3% (tương đương 1.500.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103013084 ngày 20/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp, thay đổi lần thứ 8 ngày 19/07/2013. Giá trị vốn góp tại thời điểm 30/06/2016 là 928.651.449 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải hiện chưa hoàn thành thủ tục giải thể.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(147.512.732)	(120.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(61.105.256)	(127.745.732)
Tăng khác	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Giảm khác	-	-
Số cuối kỳ	(208.617.988)	(247.745.732)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Doanh nghiệp chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành là công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bảo trì thiết bị máy tính	7.562.726	17.350.879
Thu tiền bảo trì thiết bị máy tính	9.504.000	12.414.966
Doanh thu gửi kho	3.424.000	-
Thu tiền gửi kho	3.766.400	-
Cho vay trong năm	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	300.000.000
Tiền lãi vay trong năm	-	15.619.355
Thu tiền lãi vay trong năm	667.742	15.619.355

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	726.328.384	(297.505.625)	428.822.759
Chi phí thuê đất và chi phí khác trích trước	726.328.384	(297.505.625)	428.822.759
Cộng	726.328.384	(297.505.625)	428.822.759

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>571.339.302</i>	<i>397.007.752</i>
- Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	547.783.402	366.283.402
- Các đối tượng khác	23.555.900	30.724.350
Cộng	571.339.302	397.007.752

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	374.977.797	632.641.864	(737.622.804)	269.996.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.459.516	-	(182.459.516)	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.543.899	93.874.498	(99.179.549)	16.238.848
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	578.981.212	732.516.362	(1.025.261.869)	286.235.705

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.002.586.598	1.794.405.782
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.133.378.859)	463.873.643
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.168.113.797	1.986.074.899
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.301.492.656)	(1.522.201.256)
Thu nhập chịu thuế	(130.792.261)	2.258.279.425
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(130.792.261)	2.258.279.425
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	496.821.474
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	496.821.474
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	496.821.474

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.15 Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	699.036.000	2.118.122.572
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	699.036.000	2.118.122.572

Quỹ lương năm 2016 được trích theo Nghị Quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 01 năm 2016.

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**5.16a Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước tiền thuê đất và thuế đất	2.144.113.797	1.111.243.391
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	36.539.879	26.899.286
Cộng	2.180.653.676	1.138.142.677

5.16b Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước tiền thuê đất và thuế đất	-	2.192.464.917
Cộng	-	2.192.464.917

5.17 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**5.17a Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	630.770.069	170.903.355
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV	630.770.069	170.903.355
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.023.002.581	535.622.088
- Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Vạn Thịnh Phát	691.200.000	460.800.000
- Các đối tượng khác	331.802.581	74.822.088
Cộng	1.653.772.650	706.525.443

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.17b Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	175.130.819	1.187.353.852
- Đặng Thị Kim Oanh ^(*)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty TNHH Việt An Phát	1.124.000.000	1.124.000.000
- Công ty CP TM Nguyễn Kim	1.000.000.000	-
- Phạm Thị Diễm Phương	500.000.000	-
- Công ty TNHH Nhà Hàng Cuốn	316.000.000	316.000.000
- Công ty TNHH Dây Cáp Điện Đệ Nhất	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất	300.000.000	300.000.000
- Các đối tượng khác	1.319.365.542	1.445.282.290
Cộng	7.859.365.542	6.485.282.290

^(*) Là khoản nhận tiền đặt cọc của bà Đặng Thị Kim Oanh, chi tiết như sau:

- Thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất 137 Bến Chương Dương, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp.HCM với giá chuyển nhượng là 9.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá chuyển nhượng là 14.500.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm này, Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý.

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	72.368.724	165.624.861	5.000.000	(120.550.000)	122.443.585
Quỹ phúc lợi	40.741.081	165.624.861	120.000.000	(238.204.000)	88.161.942
Cộng	113.109.805	331.249.722	125.000.000	(358.754.000)	210.605.527

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH
Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.19 Vốn chủ sở hữu
5.20a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (**)	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	31.507.470.000	705.702.705	778.515.715	7.192.215.425	40.183.903.845
- Tăng trong năm trước	-	1.497.737.257	-	1.943.428.748	3.441.166.005
- Giảm trong năm trước	-	-	778.515.715	3.013.816.584	3.792.332.299
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	31.507.470.000	2.203.439.962	-	6.121.827.589	39.832.737.551
- Tăng trong kỳ	-	194.342.876	-	705.080.973	899.423.849
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này	-	194.342.876	-	705.080.973	899.423.849
+ Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	(5.724.325.148)	(5.724.325.148)
Số dư cuối kỳ	31.507.470.000	2.397.782.838	-	1.102.583.414	35.007.836.252



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.20b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ đông Nhà Nước	47,11	14.844.200.000	14.844.200.000
- Cổ đông khác	52,89	16.663.270.000	16.663.270.000
Cộng	100,00	31.507.470.000	31.507.470.000

5.20c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31.507.470.000	31.507.470.000
+ Vốn góp đầu năm	31.507.470.000	31.507.470.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	31.507.470.000	31.507.470.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.198.732.550	1.575.373.500

5.20d Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.747	3.150.747
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

5.20e. Các quỹ của doanh nghiệp**Quỹ đầu tư phát triển:**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

5.20f Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25 tháng 03 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	5.198.732.550
• Trích quỹ đầu tư phát triển	194.342.876
• Trích quỹ khen thưởng	165.624.861
• Trích quỹ phúc lợi	165.624.861

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Doanh thu bán hàng hóa	709.149.258	205.821.559
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.864.240.877	12.405.335.051
- Doanh thu cho thuê bất động sản	1.133.836.362	1.069.818.180
Cộng	13.707.226.497	13.680.974.790

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	598.500.189	166.492.655
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.745.254.735	6.012.140.753
- Giá vốn của bất động sản cho thuê	50.851.884	50.851.884
Cộng	6.394.606.808	6.229.485.292

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Lãi tiền gửi ngân hàng	478.055.438	412.198.958
- Lãi cho vay	-	15.851.613
- Thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	641.000.000
- Doanh thu tài chính khác	-	1.957.612.514
Cộng	478.055.438	3.010.811.472

6.4 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhà hàng Bến Thành với Tổng Công ty Bến Thành	1.288.223.311	1.140.000.000
- Dự phòng đầu tư tài chính	61.105.256	153.628.125
- Chi phí tài chính khác	-	40.000.000
Cộng	1.349.328.567	1.333.628.125

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.5 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí nhân viên bán hàng	673.763.000	1.071.252.922
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	23.320.000	5.449.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.061.536	42.924.206
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.759.561	467.719.561
- Các chi phí bằng tiền khác	237.613.818	195.064.637
Cộng	1.158.517.915	1.782.410.326

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí nhân viên quản lý	2.357.388.903	2.943.667.593
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	125.561.890	165.503.183
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.483.284	110.245.302
- Thuế, phí và lệ phí	517.145.621	700.878.818
- Chi phí dự phòng	-	411.875.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	562.702.383	516.020.829
- Các chi phí bằng tiền khác	703.963.731	835.487.050
Cộng	4.330.245.812	5.683.677.775

6.7 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Xử lý công nợ	50.000.000	-
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	131.818.182
- Thu khác	4.093	3.517
Cộng	50.004.093	131.821.699

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	726.328.384	334.884.276
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(428.822.759)	(427.696.478)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	297.505.625	(92.812.202)

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	705.080.973	1.390.396.510
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(331.249.722)	(719.221.542)
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	373.831.251	671.174.968
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	3.150.747	3.150.747
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	119	213

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

303
C
ÁCH
M T
CH
5 -

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.150.747	3.150.747
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ thặng dư vốn cổ phần		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.150.747	3.150.747
6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.579.297	293.335.899
- Chi phí nhân công	4.209.356.511	5.577.733.388
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.916.560	196.226.547
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.411.987.780	3.695.482.539
- Các chi phí bằng tiền khác	1.022.518.639	1.152.480.189
Cộng	7.978.358.787	10.915.258.562

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****7.1a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Tiền lương	484.120.000	409.900.000
- Thù lao, thưởng khác	96.000.000	84.000.000
Cộng	580.120.000	493.900.000

7.1b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công Bến Thành TNHH MTV là cổ đông lớn có tỷ lệ vốn góp là 47,11%.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.2. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV		
- Chia lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	1.288.223.311	-
- Tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh	-	1.140.000.000
- Trả tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh	-	1.140.000.000
- Doanh thu cho thuê mặt bằng kho	-	613.796.806
- Thu tiền cho thuê mặt bằng trong kỳ	-	675.176.487

7.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ
- Kinh doanh cho thuê bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Kinh doanh hàng hoá	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh cho thuê bất động sản	Cộng
6 tháng đầu năm 2016				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	709.149.258	11.864.240.877	1.133.836.362	13.707.226.497
Giá vốn hàng bán	598.500.189	5.745.254.735	50.851.884	6.394.606.808
Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.649.069	6.118.986.142	1.082.984.478	7.312.619.689
6 tháng đầu năm 2015				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.821.559	12.405.335.051	1.069.818.180	13.680.974.790
Giá vốn hàng bán	166.492.655	6.012.140.753	50.851.884	6.229.485.292
Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.328.904	6.393.194.298	1.018.966.296	7.451.489.498

Khu vực địa lý

Tất các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được tiêu thụ và cung cấp tại Việt Nam.

7.3 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo soát xét này.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7.5 Số liệu so sánh**Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ trên báo cáo 6 tháng đầu năm 2015	Số kỳ trước trình bày lại trên báo cáo 6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Bảng kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	70	441	213	228

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

8 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	58,40	61,47
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	41,60	38,53
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	28,28	26,11
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	71,72	73,89
2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	4,79	6,14
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,75	6,09
- Khả năng thanh toán tức thời	Lần	3,56	5,33
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	53,35	54,47
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,14	10,16
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	26,69	25,92
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	1,37	2,63
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	1,88	3,48
4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động			
- Vòng quay tài sản	Vòng	0,27	0,26
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	2,62	3,16
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,87	26,51
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	0,54	0,56

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THANH VÂN



VÕ THÚY HẠNH




NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG